

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc quy định mã số biên nhận hồ sơ dịch vụ công  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP &amp; PTNT TỈNH ĐỒNG NAI</b>	
<b>DẪN</b>	Số ..... 11226 .....
	Thời gian ..... 19/11/15 .....
Chuyển : .....	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1437/TTr-STTTT ngày 30 tháng 10 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định cấu trúc mã số biên nhận hồ sơ dịch vụ công tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm bảo đảm tính nhất quán, thuận tiện cho việc tra cứu, theo dõi, lưu trữ thông tin dịch vụ công.

2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Mã số biên nhận hồ sơ là mã số được cấp cho tổ chức, công dân khi đăng ký thực hiện một dịch vụ công. Ứng với mỗi hồ sơ chỉ có một mã số biên nhận duy nhất. Với mã số này, tổ chức, công dân và cơ quan quản lý có thể tra cứu thông tin hồ sơ và theo dõi kết quả xử lý hồ sơ.

**Điều 2. Quy định mã số biên nhận hồ sơ**

1. Cấu trúc mã số biên nhận hồ sơ

Mã số biên nhận hồ sơ gồm 16 ký tự số, có cấu trúc như sau:

**AAABB-DDDD-NN-XXXXX**

Trong đó:

- AAABB là mã đơn vị bao gồm 05 ký tự số;
- DDDD là mã dịch vụ bao gồm 04 ký tự số;
- NN là năm tiếp nhận hồ sơ, gồm 02 ký tự số;
- XXXXX là số thứ tự hồ sơ, gồm 05 ký tự số.

## 2. Quy định về mã đơn vị

a) Mã đơn vị có cấu trúc là AAABB, gồm 5 ký tự số là mã số của sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; UBND các xã, phường và thị trấn và các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện.

b) Đối với các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành hoặc UBND cấp huyện, 03 ký tự số của mã đơn vị là "AAA" được quy định cụ thể tại Phụ lục I của Quyết định này và 02 ký tự số của mã đơn vị là "BB" được mặc định là 00. Riêng các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thì 02 ký tự số của mã đơn vị là "BB" sẽ do các đơn vị tự cấp phát và thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi.

c) Đối với các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, mã đơn vị được quy định cụ thể tại Phụ lục II của Quyết định này.

## 3. Quy định về mã dịch vụ

Mã dịch vụ gồm 04 ký tự số, quy định tăng dần từ 0001 đến 9999. Trên cơ sở bộ thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai công bố. Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp phát mã dịch vụ theo thứ tự tăng dần cho các đơn vị, đồng thời chuyển cho Sở Nội vụ và Sở Thông tin và Truyền thông biết để theo dõi.

## 4. Quy định về năm tiếp nhận hồ sơ

Năm tiếp nhận hồ sơ là 02 ký tự số cuối cùng của năm hiện tại.

## 5. Quy định về số thứ tự hồ sơ

Số thứ tự hồ sơ gồm 05 ký tự số, quy định tăng dần từ 00001 đến 99999, là số thứ tự biên nhận hồ sơ cho mỗi loại dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị trong năm tài chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

### 1. Trách nhiệm thực hiện của các sở, ban, ngành liên quan

a) Các đơn vị được cấp mã số dịch vụ có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả mã số dịch vụ được cấp.

b) Hàng năm, nếu có sự thay đổi về thủ tục hành chính, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp phát mã dịch vụ cho các đơn vị kịp thời.

2. Tổ chức thực hiện: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TCHC, CNN (Sơn).

11-10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

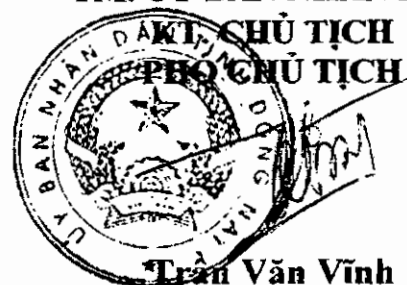


**Trần Văn Vĩnh**

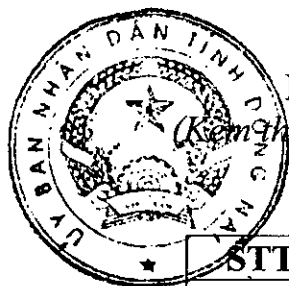
**DANH MỤC MÃ ĐƠN VỊ DÀNH CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND  
CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**  
(Kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị
<b>I</b>	<b>Các sở ban ngành</b>	
1	Văn phòng UBND tỉnh	001
2	Sở Công Thương	002
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	003
4	Sở Giao thông Vận tải	004
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	005
6	Sở Khoa học và Công nghệ	006
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	007
8	Sở Ngoại vụ	008
9	Sở Nội vụ	009
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	010
11	Sở Tài chính	011
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	012
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	013
14	Sở Tư pháp	014
15	Sở Thông tin và Truyền thông	015
16	Sở Xây dựng	016
17	Sở Y tế	017
18	Thanh tra tỉnh	018
19	Ban Dân tộc	019
20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	020
<b>II</b>	<b>UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa</b>	
1	UBND Thành phố Biên Hòa	731
2	UBND Thị xã Long Khánh	732
3	UBND huyện Tân Phú	734
4	UBND huyện Vĩnh Cửu	735
5	UBND huyện Định Quán	736
6	UBND huyện Trảng Bom	737
7	UBND huyện Thống Nhất	738
8	UBND huyện Cẩm Mỹ	739
9	UBND huyện Long Thành	740
10	UBND huyện Xuân Lộc	741
11	UBND huyện Nhơn Trạch	742

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Trần Văn Vĩnh**



## PHỤ LỤC 2

### DANH MỤC MÃ ĐƠN VỊ DÀNH CHO UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Mã số đơn vị
<b>I</b>	<b>UBND Thành phố Biên Hòa</b>	
1	Phường Tân Tiên	26014
2	Phường Quang Vinh	26023
3	Phường Tam Hòa	26035
4	Phường Bửu Long	26011
5	Xã Hiệp Hòa	26065
6	Phường Tân Phong	25996
7	Phường Tân Mai	26026
8	Phường Tân Hiệp	26008
9	Phường Hòa Bình	26038
10	Phường An Bình	26050
11	Phường Tân Hòa	26005
12	Phường Trung Dũng	26032
13	Phường Tam Hiệp	26017
14	Phường Thanh Bình	26044
15	Phường Thống Nhất	26029
16	Phường Tân Vạn	26059
17	Xã Tân Hạnh	26062
18	Phường Bửu Hòa	26053
19	Phường Long Bình Tân	26056
20	Phường Hồ Nai	26002
21	Phường Trảng Dài	25993
22	Phường Long Bình	26020
23	Phường Quyết Thắng	26041
24	Phường Bình Đa	26047
25	Phường Tân Biên	25999
26	Xã Hóa An	26068
27	Xã An Hoà	26371
28	Xã Phước Tân	26377
29	Xã Tam Phước	26374
30	Xã Long Hưng	26380
<b>II</b>	<b>UBND Thị xã Long Khánh</b>	
1	Xã Xuân Tân	26110
2	Xã Hàng Gòn	26113
3	Phường Xuân Hoà	26083
4	Phường Phú Bình	26086
5	Phường Xuân Bình	26077
6	Xã Bàu Trâm	26107

7	Xã Suối Tre	26095
8	Xã Bảo Vinh	26098
9	Xã Bảo Quang	26092
10	Phường Xuân Thanh	26074
11	Phường Xuân An	26080
12	Xã Bình Lộc	26089
13	Phường Xuân Trung	26071
14	Xã Bàu Sen	26104
15	Xã Xuân Lập	26101
<b>III</b>	<b>UBND huyện Tân Phú</b>	
1	Xã Phú Thanh	26161
2	Xã Núi Tượng	26128
3	Xã Phú Lâm	26155
4	Xã Phú Lập	26134
5	Xã Phú Lộc	26152
6	Xã Phú Trung	26146
7	Xã Dak Lua	26119
8	Xã Nam Cát Tiên	26122
9	Xã Phú An	26125
10	Xã Tà Lài	26131
11	Xã Trà Cỏ	26164
12	Thị trấn Tân Phú	26116
13	Xã Thanh Sơn	26143
14	Xã Phú Bình	26158
15	Xã Phú Thịnh	26140
16	Xã Phú Điền	26167
17	Xã Phú Sơn	26137
18	Xã Phú Xuân	26149
<b>IV</b>	<b>UBND huyện Vĩnh Cửu</b>	
1	Xã Trị An	26176
2	Xã Bình Lợi	26185
3	Xã Thiện Tâm	26191
4	Xã Bình Hòa	26197
5	Xã Mã Đà	26200
6	Thị trấn Vĩnh An	26170
7	Xã Tân Bình	26194
8	Xã Vĩnh Tân	26182
9	Xã Hiếu Liêm	26203
10	Xã Phú Lý	26173
11	Xã Tân An	26179
12	Xã Thạnh Phú	26188
<b>V</b>	<b>UBND huyện Định Quán</b>	
1	Xã Ngọc Định	26224

2	Xã La Ngà	26227
3	Xã Gia Canh	26230
4	Thị trấn Định Quán	26206
5	Xã Phú Túc	26242
6	Xã Phú Ngọc	26233
7	Xã Thanh Sơn	26209
8	Xã Phú Tân	26212
9	Xã Phú Lợi	26218
10	Xã Phú Cường	26236
11	Xã Phú Vinh	26215
12	Xã Túc Trung	26239
13	Xã Phú Hòa	26221
14	Xã Suối Nho	26245
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Trảng Bom</b>	
1	Xã Sông Thao	26260
2	Xã Bắc Sơn	26269
3	Xã Bình Minh	26278
4	Xã Trung Hoà	26281
5	Thị trấn Trảng Bom	26248
6	Xã Hưng Thịnh	26287
7	Xã Sông Trầu	26263
8	Xã Đông Hoà	26266
9	Xã Tây Hoà	26275
10	Xã Đồi 61	26284
11	Xã Giang Điền	26293
12	Xã An Viễn	26296
13	Xã Hồ Nai 3	26272
14	Xã Cây Gáo	26254
15	Xã Bàu Hàm	26257
16	Xã Thanh Bình	26251
17	Xã Quảng Tiến	26290
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Thống Nhất</b>	
1	Xã Gia Tân 1	26299
2	Xã Lộ 25	26320
3	Xã Gia Tân 3	26305
4	Xã Quang Trung	26311
5	Xã Xuân Thiện	26323
6	Xã Gia Tân 2	26302
7	Xã Gia Kiệm	26308
8	Xã Xuân Thạnh	26326
9	Xã Hưng Lộc	26317
10	Xã Bàu Hàm 2	26314
<b>VIII</b>	<b>UBND huyện Cẩm Mỹ</b>	

1	Xã Sông Nhạn	26329
2	Xã Xuân Đông	26359
3	Xã Long Giao	26341
4	Xã Xuân Bảo	26353
5	Xã Xuân Tây	26356
6	Xã Nhân Nghĩa	26335
7	Xã Bảo Bình	26350
8	Xã Lâm Sơn	26365
9	Xã Xuân Đường	26338
10	Xã Xuân Quê	26332
11	Xã Xuân Mỹ	26344
12	Xã Thừa Đức	26347
13	Xã Sông Ray	26362
<b>IX</b>	<b>UBND huyện Long Thành</b>	
1	Xã Lộc An	26392
2	Xã Tam An	26398
3	Xã Long Phước	26413
4	Xã Bình Sơn	26395
5	Xã Suối Trâu	26407
6	Xã Cẩm Đường	26401
7	Xã Phước Bình	26416
8	Xã Tân Hiệp	26419
9	Xã Long Đức	26389
10	Xã Bàu Cạn	26410
11	Xã Long An	26404
12	Xã An Phước	26383
13	Xã Phước Thái	26422
14	Thị trấn Long Thành	26368
15	Xã Bình An	26386
<b>X</b>	<b>UBND huyện Xuân Lộc</b>	
1	Xã Xuân Tâm	26449
2	Xã Suối Cát	26452
3	Xã Xuân Trường	26440
4	Xã Xuân Bắc	26428
5	Xã Xuân Thọ	26437
6	Xã Suối Cao	26431
7	Xã Xuân Hòa	26443
8	Xã Xuân Hưng	26446
9	Thị trấn Gia Ray	26425
10	Xã Xuân Thành	26434
11	Xã Xuân Phú	26458
12	Xã Xuân Định	26461
13	Xã Bảo Hoà	26464



14	Xã Lang Minh	26467
15	Xã Xuân Hiệp	26455
<b>XI</b>	<b>UBND huyện Nhơn Trạch</b>	
1	Xã Hiệp Phước	26479
2	Xã Đại Phước	26476
3	Xã Phú Hữu	26482
4	Xã Long Tân	26473
5	Xã Phú Hội	26485
6	Xã Vĩnh Thanh	26497
7	Xã Phú Đông	26491
8	Xã Phước Thiên	26470
9	Xã Phước An	26503
10	Xã Phú Thạnh	26488
11	Xã Long Thọ	26494
12	Xã Phước Khánh	26500

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**